

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam biến động giằng co và tăng điểm vào cuối phiên sau khi Viện Kinh tế Thế giới Kiel cho biết thương mại toàn cầu tháng 1/2022 đã tăng 2.4% so với tháng trước đó, vượt tổng giá trị so với thời điểm trước khi đại dịch COVID-19 xuất hiện

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL diễn biến trái chiều với diễn biến thị trường cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

MSN, KBC

[Cập nhật công ty]

NLG, MSN

[Quan điểm đầu tư]

NĐT được khuyến nghị tiếp tục nắm giữ vị thế trung hạn, chỉ kê chốt lời từng phần vị thế ngắn hạn khi giá cổ phiếu tiếp cận vùng cản

10/02/2022

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,506.79	+0.09
VN30	1,548.95	-0.22
HĐTL VN30F1M	1,542.50	+0.10
HNXIndex	428.24	+0.95
HNX30	753.53	+1.91
UPCoM	112.64	+0.57
USD/VND	22,696	-0.09
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.13	-1
Lãi suất qua đêm (%)	2.59	+23
Dầu (WTI, \$)	90.19	+0.59
Vàng (LME, \$)	1,830.99	-0.13



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,506.79 (+0.09%)
KLGD (triệu CP) 680.2 (-4.5%)
GTGD (triệu US\$) 967.0 (-13.0%)

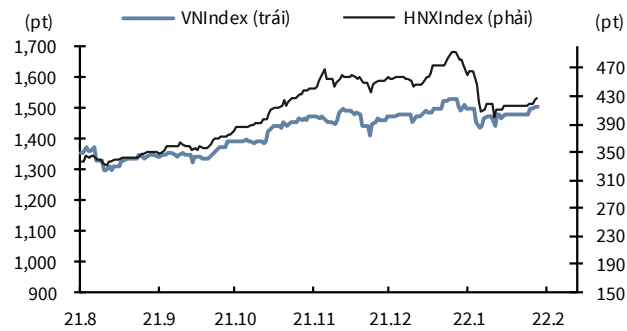
HNXIndex 428.24 (+0.95%)
KLGD (triệu CP) 58.5 (-12.3%)
GTGD (triệu US\$) 74.7 (-10.0%)

UPCoM 112.64 (+0.57%)
KLGD (triệu CP) 64.9 (+6.7%)
GTGD (triệu US\$) 62.1 (+6.5%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) -31.2

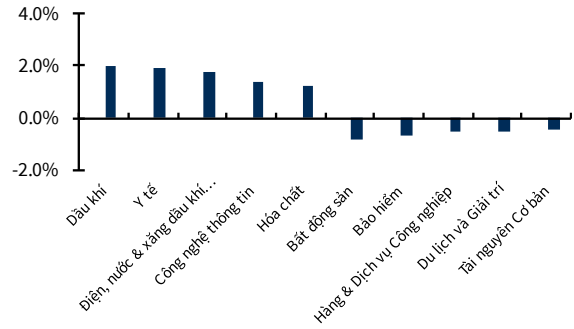
TTCK Việt Nam biến động giằng co và tăng điểm vào cuối phiên sau khi Viện Kinh tế Thế giới Kiel cho biết thương mại toàn cầu tháng 1/2022 đã tăng 2.4% so với tháng trước đó, vượt tổng giá trị so với thời điểm trước khi đại dịch COVID-19 xuất hiện. EIA dự báo giá dầu sẽ tiếp tục ở mức cao do lượng dầu tồn kho toàn cầu tiếp tục giảm trong nửa đầu năm 2022 trước khi áp lực giá giảm sẽ xuất hiện vào giữa năm khi tăng trưởng sản lượng dầu từ OPEC+, Mỹ và các nước ngoài OPEC khác vượt xa tốc độ tăng trưởng tiêu thụ dầu toàn cầu đang chậm lại giúp cổ phiếu dầu khí tăng điểm PVD (+2.8%), PVS (+1.8%). Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương) dự báo, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam năm 2022 sẽ tiếp tục tăng, dự báo đạt 2.1 triệu tấn, trị giá 9.2 tỷ USD, tăng 3.9% về lượng và tăng 3.5% về trị giá so với năm 2021 tác động tích cực đến cổ phiếu thủy sản ở VHC (+0.9%). Cổ phiếu hàng không tăng giá ở HVN (+0.6%) trước thông tin Thủ tướng ký ban hành Chỉ thị đơn đốc, chỉ đạo ngành du lịch phối hợp với các bên sớm công bố lộ trình, triển khai mở cửa lại du lịch. Khối ngoại bán ròng ở VIC (-2%), HPG (-0.6%), NVL (-0.6%).

VNIndex & HNXIndex



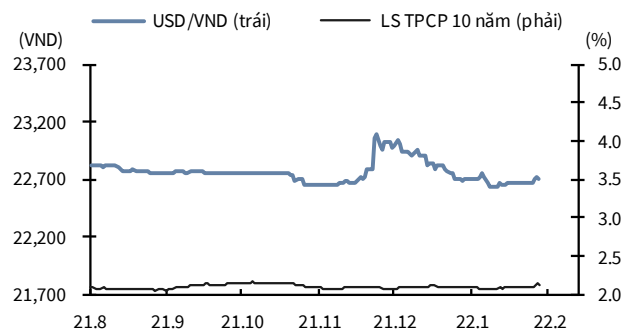
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

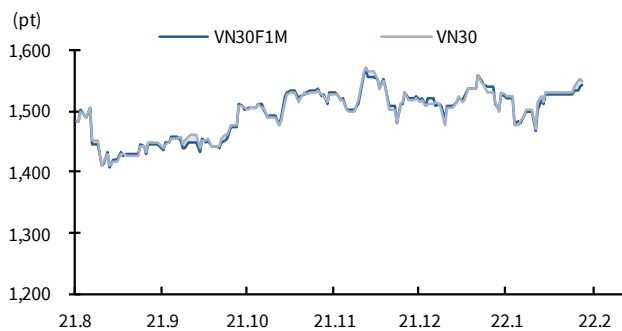
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,548.95 (-0.22%)
VN30F1M	1,542.5 (+0.10%)
Mở cửa	1,544.0
Cao nhất	1,544.5
Thấp nhất	1,528.5

Các HĐTL diễn biến trái chiều với diễn biến thị trường cơ sở. Chênh lệch F2202 và chỉ số VN30 biến động với biên độ lớn trong phiên hôm nay trong khoảng -4.14 và -14.16 điểm phản ánh tâm lý thận trọng của nhà đầu tư, và đóng cửa ở mức -6.45 điểm. Khối ngoại bán và thanh khoản thị trường tăng nhẹ.

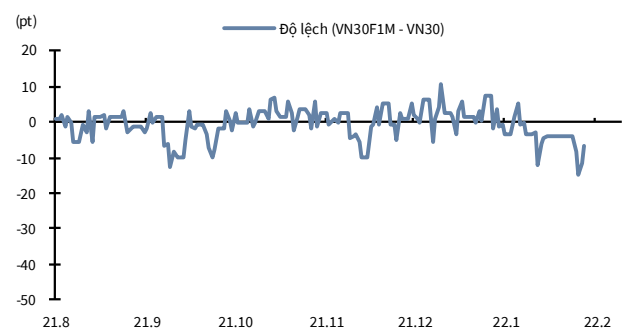
KLGD (HĐ)	130,126 (-3.1%)
------------------	------------------------

HĐTL VN30F1M & VN30



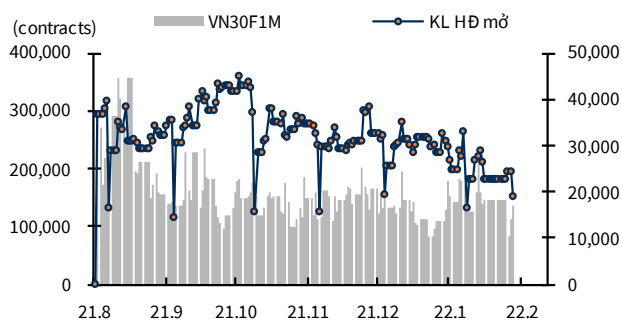
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



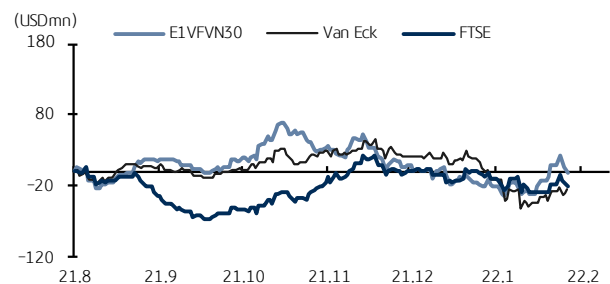
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

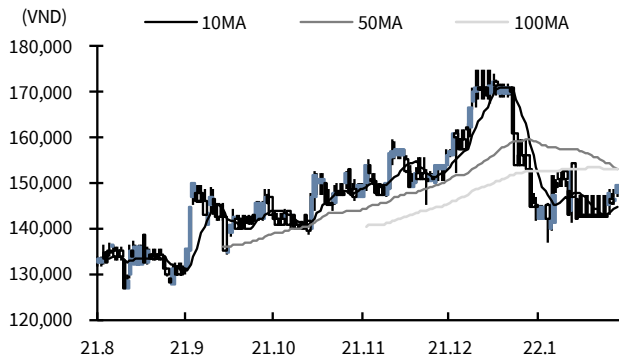
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

CTCP Tập đoàn Masan (MSN)

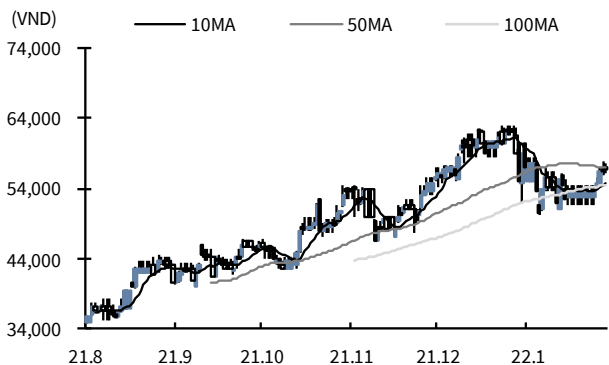


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- MSN tăng 2.1% lên 149,600 VND/cp

- Masan Group cho biết trong tháng 1 đã chi thêm 110 triệu USD để mua thêm 31% vốn cổ phần của Phúc Long, nâng tỷ lệ sở hữu lên 51%. Masan Group dự kiến trong năm 2022, doanh thu Phúc Long sẽ đạt từ 2,500 tỷ đến 3,000 tỷ đồng, nhờ mở rộng mạng lưới cửa hàng riêng và kí-ốt trong WinCommerce cũng như việc đa dạng hóa danh mục sản phẩm trà và cà phê.

Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc – CTCP (KBC)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- KBC tăng 0.7% lên 56,800 VND/cp

- Năm 2022, Tổng công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc đặt mục tiêu lợi nhuận sau thuế đạt 4,500 tỷ đồng, gấp 3.3 lần cùng kỳ và đạt 9,800 tỷ doanh thu, gấp 2.3 lần so với 2021.

- Công ty thông qua kế hoạch phát hành tối đa gần 192 triệu cổ phiếu thưởng và dự kiến chào bán riêng lẻ tối đa 150 triệu cổ phần cho dưới 100 nhà đầu tư để bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, tái cơ cấu nợ vay, đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên kết.

Novaland (NVL)

Lợi nhuận ròng Quý 4 tăng 42%YoY

Lợi nhuận quý 4 tăng trưởng đáng kể so với cùng kỳ.

- Doanh thu trong quý 4/2021 đạt 4.6 nghìn tỷ VND (275% YoY) trong đó doanh thu từ chuyển nhượng BĐS trong quý đạt 4.2 nghìn tỷ VND (+368% YoY) chủ yếu đến từ bàn giao các căn hộ tại dự án *Saigon Royal*, *Aqua City* và *Hồ Tràm*. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ đạt 0.8 nghìn tỷ VND (+42% YoY).
- Lũy kế cả năm 2021, doanh thu của NVL đạt 14.9 nghìn tỷ VND (+197% YoY), trong đó doanh thu chuyển nhượng BĐS đạt 13.5 nghìn tỷ VND (+264% YoY). Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ đạt 3.2 nghìn tỷ VND (-18% YoY). Lợi nhuận giảm so với cùng kỳ là do trong năm 2020, NVL ghi nhận 5.7 nghìn tỷ VND từ lãi từ chuyển nhượng cổ phần mà NVL sở hữu tại các công ty dự án và lãi từ việc đánh giá lại các khoản đầu tư ở các công ty con sau khi sáp nhập. Như vậy, NVL đã hoàn thành lần lượt 54% và 84% kế hoạch doanh thu và lợi nhuận cả năm.
- Biên lợi nhuận gộp đạt 45%, tăng so với mức 37% của cùng kỳ năm 2020 do tỷ trọng cao hơn của các sản phẩm thấp tầng được bàn giao (phần lớn tại các dự án *Aqua City*, *Novaworld Hồ Tràm* và *Novaworld Phan Thiết*) với biên lợi nhuận cao hơn so với căn hộ cao tầng.

Hoạt động bán hàng trong quý 4 hồi phục so với quý trước.

- Trong quý 4, NVL đã bán được 1,592 sản phẩm (-17%YoY) tương đương với tổng giá trị hợp đồng đạt 28.4 nghìn tỷ VND (+97%YoY).
- Lũy kế cả năm, Novaland đã bán được 6,613 sản phẩm (+30%YoY), phần lớn đến từ dự án *Aqua City* (3,673 căn) và *Phan Thiết* (2,349 căn). Số lượng căn bán đạt 94% so với kế hoạch bán hàng sau khi điều chỉnh. Tổng giá trị hợp đồng bán đạt 83.7 nghìn tỷ VND (+116%YoY), trong đó giá trị hợp đồng bán tại dự án *Aqua City* đạt 50.8 nghìn tỷ VND và dự án *Phan Thiết* đạt 19.2 nghìn tỷ VND. NVL hiện đã thu được khoảng hơn 28-29 nghìn tỷ VND từ các giao dịch này. Tổng giá trị hợp đồng đã kí và chưa ghi nhận ghi nhận doanh thu tính đến hết quý 4/2021 đạt 177.5 nghìn tỷ VND.

Kế hoạch năm 2022

- Công ty dự kiến doanh thu năm 2022 đạt khoảng 35-38 nghìn tỷ VND (135-155%YoY) và lợi nhuận sau thuế đạt khoảng 6.5-6.8 nghìn tỷ VND (86-94%YoY). Tổng giá trị hợp đồng bán hàng đạt khoảng 140 nghìn tỷ VND (+67%YoY).

CTCP Tập đoàn Masan (MSN)

Lợi nhuận 2021 vượt kì vọng dù chịu nhiều ảnh hưởng từ dịch bệnh

Một số KQKD nổi bật trong năm 2021

- Tổng quan, doanh thu hợp nhất năm 2021 đạt 88,629 tỉ đồng (+14.8% YoY), mức doanh thu này thấp hơn so với kế hoạch năm của MSN, chủ yếu do ảnh hưởng từ việc bán lại mảng thức ăn chăn nuôi tại Masan Meatlife (MML) và các tác động từ đại dịch Covid lên kế hoạch mở rộng cửa hàng của chuỗi bán lẻ cũng như các phát kiến sản phẩm mới từ ngành hàng tiêu dùng.
- Wincommerce (WCM) đạt lợi nhuận sau thuế dương trong nửa sau của năm 2021, nhờ vào biên EBITDA dương trong Q4/2021. Masan Consumer (MCH) tăng trưởng doanh thu thuần 20% YoY nhờ vào các mảng chính tăng trưởng tốt (gia vị, thực phẩm tiện lợi, thịt). MML hoàn tất chuyển giao mảng thức ăn chăn nuôi trong T11/2021, tập trung vào mảng thịt mát thương hiệu (heo, gà); trong năm hai mảng thịt tích hợp đạt doanh thu 4,5 nghìn tỷ đồng (+88.6% YoY). Masan High Tech (MHT) đạt doanh số kỉ lục trong 2021 (13,564 tỷ đồng) nhờ vào giá đầu ra tăng cao cũng như H.C.Starck hoạt động hiệu quả hơn.
- EBITDA hợp nhất năm 2021 đạt 16,361 tỷ đồng (+58.1% YoY); biên EBITDA được cải thiện đáng kể đạt mức 18.5% so với 13.4% của năm 2020. Biên EBITDA được gia tăng tốt chủ yếu đến từ EBITDA của The CrownX tăng trưởng 72.9% YoY. Tính riêng trong Q4/2021, EBITDA đạt 21.1%, nhiều hơn 330 điểm cơ bản so với Q4/2020.
- Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông năm 2021 tăng 593.9% YoY, đạt 8,563 tỷ đồng. Dòng tiền tự do (FCF) đạt 3,407 tỷ đồng (+75% YoY); tỉ lệ nợ ròng/EBITDA giảm từ 5.2x xuống 2.2x chủ yếu nhờ cải thiện biên EBITDA và số dư tiền, tương đương tiền tăng.

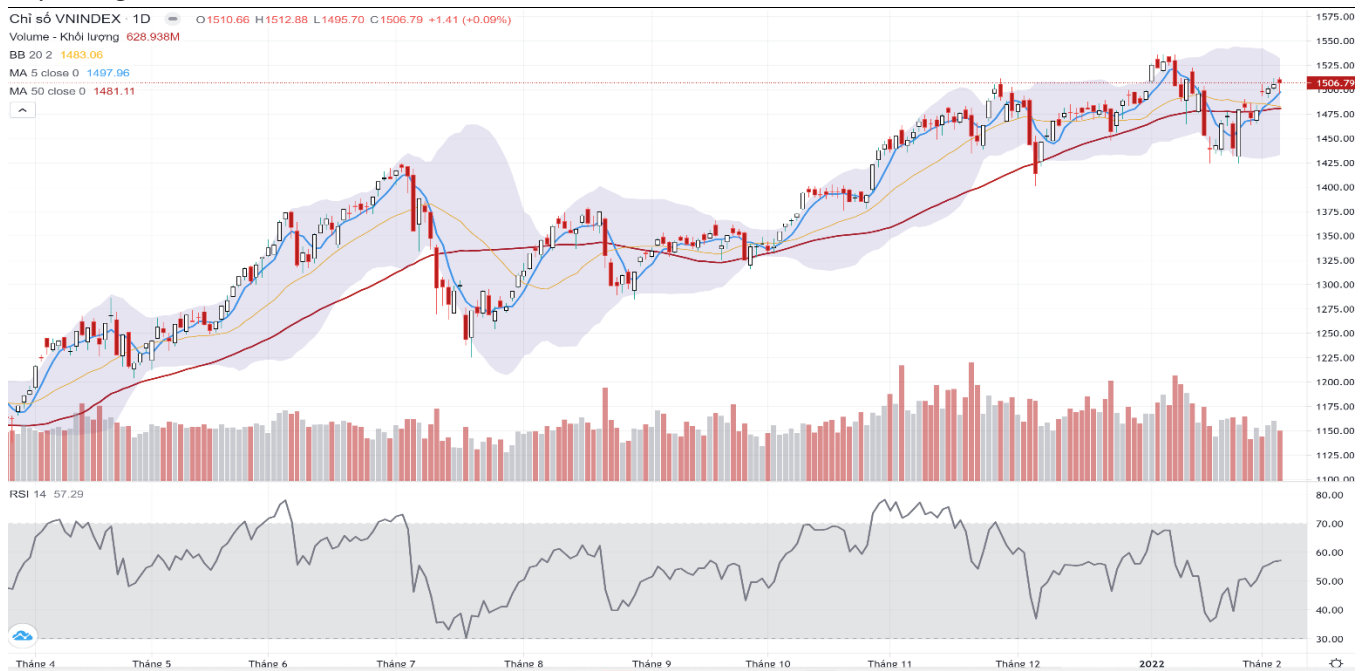
Mục tiêu cho năm 2022 với The CrownX làm trụ cột chính

- Doanh thu hợp nhất của Masan Group ước tính từ 90 nghìn tỷ đồng – 110 nghìn tỷ đồng (+22%-36% YoY). Trong năm 2021, tỉ trọng doanh thu từ kinh doanh phục vụ người tiêu dùng đóng góp 68%, dự kiến sẽ lên mức 85% trong 2022. Lợi nhuận thuần HĐKD dự kiến đạt 5-7 nghìn tỷ đồng (+32%-84% YoY).
- The CrownX kì vọng đạt doanh thu thuần từ 68-76 nghìn tỷ đồng; trong đó WCM khoảng 38-40 nghìn tỷ đồng (+23-29% YoY) nhờ vào mở rộng số lượng cửa hàng cũng như tiết kiệm chi phí qua đàm phán với nhà cung cấp, giảm chi phí hậu cần. Ngoài ra, MCH dự kiến đạt 34-40 nghìn tỷ đồng doanh thu với động lực chính tiếp tục đến từ chiến lược cao cấp hoá các ngành hàng cốt lõi, cùng với việc tận dụng khả năng tiếp cận khách hàng từ WCM.
- MML dự kiến doanh thu từ 5-6,5 nghìn tỷ đồng (+11-45% YoY) với động lực nhờ mở rộng danh mục sản phẩm thịt heo, thịt gà và tận dụng khả năng phân phối qua WCM. MHT dự kiến đạt 14,5-15 nghìn tỷ đồng (+7-11% YoY).
- Phúc Long trong tháng 1/2022 được Masan mua thêm 31% cổ phần, tương đương mức định giá 355 triệu USD. Trong 2022, Phúc Long dự kiến đạt 2.5 – 3 nghìn tỷ đồng với động lực chính là các mạng lưới cửa hàng sẵn có, kiosk tích hợp tại các siêu thị WCM. Ngoài ra, mạng di động Reddi cũng đặt mục tiêu 500,000-1,000,000 thuê bao trong 2022.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex hình thành các nhịp tăng giảm ngắn đan xen trong phiên trước khi hồi phục và giữ mức tăng nhẹ về cuối phiên.
- Dưới ảnh hưởng của vùng kháng cự 151x cùng với sự phân hóa rõ nét giữa các nhóm cổ phiếu, chỉ số đang phải trải qua diễn biến giằng co mạnh. Mặc dù rủi ro xuất hiện một nhịp điều chỉnh là hiện hữu nhưng khả năng rơi vào nhịp giảm mạnh ngay ở vùng điểm hiện tại chưa được đánh giá cao và xu hướng tăng ngắn hạn vẫn đang có nhiều cơ hội được giữ vững.
- NĐT được khuyến nghị tiếp tục nắm giữ vị thế trung hạn, chỉ kê chốt lời từng phần vị thế ngắn hạn khi giá cổ phiếu tiếp cận vùng cản.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1558 – 1562

Kháng cự gần: 1547 – 1550

Hỗ trợ gần: 1530 – 1532

Hỗ trợ xa: 1523 – 1527

- F1 hình thành các nhịp tăng giảm ngắn đan xen trong phiên trước khi hồi phục và giữ mức tăng nhẹ về cuối phiên.
- Dưới ảnh hưởng của vùng kháng cự 155x, chỉ số đang phải trải qua diễn biến giằng co mạnh. Mặc dù rủi ro xuất hiện một nhịp điều chỉnh là hiện hữu nhưng khả năng rơi vào nhịp giảm mạnh ngay ở vùng điểm hiện tại chưa được đánh giá cao và xu hướng tăng ngắn hạn vẫn đang có nhiều cơ hội được giữ vững.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading 2 chiều, nhưng ưu tiên mở vị thế Short tại kháng cự xa và mở Long tại các vùng hỗ trợ.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Tạm chốt lời và đóng vị thế Short đã mở, tạm thời đứng ngoài quan sát.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

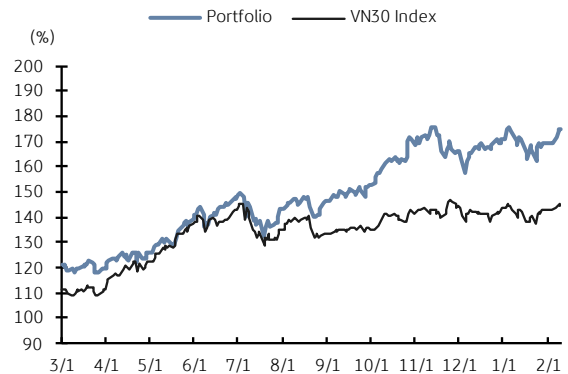
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-0.22%	0.03%
Tăng lũy kế (YTD)	44.66%	74.82%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 10/02/2022	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	136,300	-0.5%	77.3%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	54,000	0.2%	143.6%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	103,300	0.0%	34.8%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Nam Tan Uyen (NTC)	11/11/2021	214,200	-1.6%	13.4%	- Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	68,200	-2.2%	105.0%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	92,000	1.4%	211.6%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	01/31/2020	36,750	1.1%	92.3%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	112,000	1.8%	49.9%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	47,000	-0.6%	226.8%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbạc City Development (KBC)	09/03/2020	56,800	0.7%	311.7%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
FUEVFNVD	-1.0%	98.0%	229.0
VGC	3.4%	3.6%	54.4
VCB	0.6%	23.6%	54.1
HDB	-0.3%	17.3%	31.9
VNM	-0.1%	54.5%	21.4

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VIC	-2.0%	13.5%	-502.7
HPG	-0.6%	23.5%	-224.0
NVL	-0.6%	7.2%	-114.2
KBC	0.7%	17.8%	-71.8
DXG	-1.4%	29.4%	-68.5

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
APS	6.5%	0.7%	1.8
PVI	0.2%	57.8%	1.0
PGN	7.8%	3.8%	0.7
PHP	-1.9%	0.1%	0.6
PVS	1.8%	9.2%	0.4

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VCS	-0.9%	3.9%	-1.8
EID	2.0%	25.2%	-1.4
THD	0.3%	1.5%	-0.7
BVS	-1.6%	9.7%	-0.4
TDN	-2.3%	1.4%	-0.2

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Tài nguyên Cơ bản	11.1%	HPG, HSG
Du lịch và Giải trí	8.5%	VJC, HVN
Hóa chất	7.5%	GVR, DPM
Dầu khí	6.7%	PLX, PVD
Ô tô và phụ tùng	5.4%	TCH, DRC

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bất động sản	-2.5%	VIC, NVL
Truyền thông	0.7%	ADG, PNC
Ngân hàng	0.9%	EIB, STB
Hàng cá nhân & Gia dụng	1.2%	PNJ, STK
Bảo hiểm	2.3%	BIC, PGI

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ngân hàng	11.9%	VCB, BID
Du lịch và Giải trí	9.3%	HVN, VJC
Dầu khí	9.2%	PLX, PVD
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	6.0%	GAS, BWE
Hàng cá nhân & Gia dụng	4.1%	PNJ, TLG

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Xây dựng và Vật Liệu	-15.3%	CII, ROS
Ô tô và phụ tùng	-9.8%	TCH, HHS
Bất động sản	-9.8%	VIC, VHM
Dịch vụ tài chính	-8.1%	SSI, VND
Hóa chất	-7.5%	TRC, DTT

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD mn)	GTGD (VND triệu, USD mn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	355,134 (15.7)	22.5	61.1	33.0	14.7	5.7	9.5	3.3	2.9	-2.0	-	-	-11.7
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	418,706 (18.5)	26.6	9.2	7.5	35.9	26.5	24.9	2.3	1.8	-1.7	-1.1	-6.2	-2.3
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	293,967 (13.0)	17.8	28.0	19.5	-7.6	9.1	10.6	2.5	2.3	0.3	5.3	2.9	19.6
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	195,990 (8.6)	31.3	26.7	18.2	6.7	13.9	15.1	4.4	3.2	-0.6	-0.6	-6.4	-13.7
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	31,182	19,167 (833)	89,845 (4.0)	11.6	22.9	16.7	18.0	15.6	24.2	3.2	2.6	-0.6	5.4	-2.4	3.5
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	331,878 (14.6)	13.9	13.0	15.4	-	16.7	13.3	2.0	1.9	-1.4	1.2	-5.1	0.3
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	171,128 (7.5)	6.3	17.7	14.1	11.7	20.6	20.8	3.1	2.6	0.6	0.3	14.8	15.9
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	207,480 (9.1)	12.7	19.2	13.3	-5.3	16.0	20.5	2.5	2.1	0.0	1.7	24.6	30.5
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	565,930 (24.9)	0.0	9.1	7.6	14.3	20.4	19.8	1.7	1.4	0.0	3.3	10.2	7.2
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	530,592 (23.4)	1.4	10.0	7.7	61.1	18.9	20.9	1.6	1.3	1.1	-0.4	10.4	8.4
	VPB	VIETNAM PROSPERI	22,944	101,381 (4,406)	467,012 (20.6)	0.0	10.9	8.7	18.8	16.0	16.1	1.7	1.4	-1.1	3.5	6.7	2.5
	MBB	MILITARY COMMERC	19,407	73,327 (3,187)	690,635 (30.5)	0.0	8.7	7.3	14.6	22.3	21.1	1.7	1.3	1.4	2.3	20.1	16.8
	HDB	HDBANK	20,400	40,641 (1,766)	167,351 (7.4)	4.2	9.4	7.7	23.3	20.4	20.2	1.8	1.4	-0.3	2.3	6.4	2.1
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	1,131,643 (49.9)	14.0	14.6	10.5	26.5	11.9	16.2	1.7	1.5	-0.9	-1.8	10.0	10.3
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	360,768 (15.9)	0.0	10.2	8.3	37.5	21.1	22.0	2.1	1.7	-0.7	2.5	1.9	0.4
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	29,902 (1.3)	0.2	76.3	25.3	27.3	3.1	9.1	2.4	2.2	0.6	-0.8	7.0	3.9
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	36,677 (1.6)	21.0	18.7	14.6	15.8	10.1	11.9	1.8	1.6	-0.9	3.0	1.3	-1.1
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	18,511 (0.8)	14.2	19.5	16.8	9.1	10.9	12.6	1.8	1.7	-0.3	10.5	-4.8	-10.7
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	21,998	19,947 (867)	533,307 (23.5)	55.4	21.5	20.3	-3.2	13.7	14.8	-	-	-1.3	3.9	-9.0	-12.9
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,500	9,108 (396)	181,774 (8.0)	71.9	-	-	-4.0	25.8	-	-	-	-0.3	9.4	11.3	-17.2
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	107,327 (4.7)	52.4	-	-	-19.0	21.4	-	-	-	-0.6	6.4	11.9	-15.8
	VND	VNDIRECT SECURIT	17,211	5,734 (249)	419,604 (18.5)	27.2	-	-	36.3	19.8	-	-	-	-1.4	9.2	-8.0	-13.4
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	167,178 (7.4)	42.1	16.5	15.3	4.0	33.0	34.2	5.0	4.7	-0.1	-0.5	-1.2	-4.3
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	22,145 (1.0)	36.9	24.7	20.6	7.3	19.0	21.4	4.0	3.8	2.1	5.5	3.3	4.0
	MSN	MASAN GROUP CORP	95,100	111,712 (4,855)	128,615 (5.7)	16.5	28.7	20.4	-51.9	20.7	23.3	5.9	4.6	2.0	5.4	-2.2	-12.5
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	158,716 (7.0)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	3.5	4.3	27.4	-20.0
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	95,592 (4.2)	11.0	-	57.9	-88.5	1.0	10.1	-	-	-1.5	9.8	7.4	3.7
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	63,943 (2.8)	10.8	20.4	18.7	-57.0	12.2	13.5	2.4	2.3	-1.5	12.9	2.7	1.0
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	327,974 (14.5)	38.4	15.3	7.2	65.7	8.2	15.7	1.3	1.2	3.1	3.6	47.2	-38.7
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	202,076 (8.9)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	0.4	15.2	-	-42.5
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	719,128 (31.7)	37.7	-	-	-13.2	11.9	14.9	-	-	-2.3	7.0	21.5	-7.3
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	84,521 (3.7)	3.6	18.6	18.2	-52.4	4.6	4.6	0.9	0.9	0.0	-5.6	-8.7	-11.4
	REE	REE	59,600	18,419 (800)	28,897 (1.3)	0.0	9.9	8.4	-4.5	13.2	14.9	1.3	1.2	-2.2	1.2	0.1	-1.3

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	114,327 (5.0)	46.1	18.2	16.2	-17.5	22.3	23.6	3.9	3.6	1.8	0.2	9.8	16.4
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	18,162 (0.8)	31.4	10.4	11.7	-10.5	15.1	14.3	1.8	1.6	0.2	7.9	-4.6	-9.3
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	4,521 (0.2)	34.1	14.3	8.9	-5.1	10.3	16.7	1.5	1.4	-0.2	2.7	-7.3	-5.2
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	32,481	145,287 (6,314)	870,631 (38.4)	18.0	6.8	6.8	21.9	29.4	24.1	1.6	1.4	-0.6	11.5	3.0	1.3
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	134,678 (5.9)	36.5	10.5	14.6	-0.5	17.4	11.7	1.7	1.5	2.7	9.0	3.1	-10.0
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	102,518 (4.5)	46.5	11.6	14.1	-4.5	19.9	14.6	2.1	1.9	3.7	10.6	-8.9	-18.9
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	192,590 (8.5)	38.9	5.9	6.6	67.9	25.0	19.2	1.3	1.1	-0.1	20.1	3.0	-2.7
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	108,098 (4.8)	97.2	19.4	17.4	17.2	-	-	1.2	1.2	0.3	7.2	16.2	-11.9
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	103,041 (4.5)	4.6	19.8	17.6	-51.0	16.3	17.5	3.1	2.8	1.9	6.1	10.0	12.2
	PVD	PETROVIETNAM DRI	23,400	9,854 (428)	300,953 (13.3)	39.9	27.8	15.9	-11.9	3.9	5.8	0.9	0.8	2.8	-6.3	4.4	3.5
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	48,884 (2.2)	35.9	8.9	7.5	1.2	16.7	16.3	1.3	1.0	0.4	10.0	-3.8	-4.1
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	93,000	65,024 (2,826)	115,205 (5.1)	0.0	15.6	13.3	13.7	27.8	28.4	4.0	3.5	-0.5	3.7	2.5	0.3
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	71,765 (3.2)	0.0	17.2	13.8	2.4	22.9	23.4	3.5	2.8	0.0	2.3	10.8	7.4
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	8,581 (0.4)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-1.5	7.1	10.9	-23.1
	FRT	FPT DIGITAL RETA	28,200	2,227 (097)	93,721 (4.1)	30.3	24.5	19.8	-75.2	19.9	21.5	5.4	4.8	1.3	16.9	13.1	-3.2
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	54,366 (2.4)	34.6	12.1	13.6	41.2	30.4	23.9	3.0	2.7	3.0	4.3	6.0	15.6
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	3,477 (0.2)	45.4	16.6	16.7	10.7	20.8	18.8	3.2	2.9	2.7	4.2	-4.4	-8.2
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	68,000	61,301 (2,664)	110,615 (4.9)	0.0	16.2	14.2	15.5	25.6	27.5	3.8	3.6	1.4	7.1	0.0	-1.1

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình
Giám đốc Khối Phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu
Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp
hieudd@kbsec.com.vn

Nguyễn Anh Tùng
Chuyên viên cao cấp – Tài chính & Công nghệ
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Hoàng Bảo Nga
Chuyên viên cao cấp – Bất động sản nhà ở
ngaphb@kbsec.com.vn

Lê Anh Tùng
Chuyên viên cao cấp – Dầu Khí & Ngân hàng
tungla@kbsec.com.vn

Nguyễn Ngọc Hiếu
Chuyên viên phân tích – Năng lượng & Vật liệu xây dựng
hieunn@kbsec.com.vn

Phạm Nhật Anh
Chuyên viên phân tích – Bất động sản công nghiệp & Logistics
anhpn@kbsec.com.vn

Lương Ngọc Tuấn Dũng
Chuyên viên phân tích – Bán lẻ & Hàng tiêu dùng
dunglnt@kbsec.com.vn

Khối Phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh
Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư
anhtd@kbsec.com.vn

Lê Hạnh Quyên
Chuyên viên phân tích – Vĩ mô & Ngân hàng
quyenlh@kbsec.com.vn

Thái Hữu Công
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
congth@kbsec.com.vn

Trần Thị Phương Anh
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
anhhttp@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ
Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương
Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.